

Công bố nghiên cứu khoa học của các học viên sau đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh - thách thức và khuyến nghị

Trịnh Khánh Linh

Khoa Tài chính-Kế toán, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành
linhtk@ntt.edu.vn

Tóm tắt

Mặc dù công bố kết quả nghiên cứu khoa học của học viên và nghiên cứu sinh các trường đại học Việt Nam rất được quan tâm, vẫn còn nhiều thách thức gây cản trở việc thực hiện nghiên cứu trong quá trình học tập của họ. Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng nhằm xác định những thách thức trong công bố kết quả nghiên cứu khoa học của học viên đang theo học chương trình đào tạo thạc sĩ ở một số trường đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh. Khảo sát và phân tích dữ liệu từ các câu trả lời cho thấy, áp lực khối lượng công việc; thiếu hoặc không có kinh phí để thực hiện, công bố kết quả nghiên cứu khoa học và áp lực nghĩa vụ gia đình ghi nhận mức độ đồng tình cao. Nghiên cứu đưa ra các đề xuất nhằm nâng cao số lượng, chất lượng công bố kết quả nghiên cứu khoa học; cải thiện công tác hỗ trợ và hướng dẫn của nhà trường; đồng thời là cơ sở để tham khảo cho việc cập nhật và sửa đổi các chính sách liên quan đến kinh phí và cơ sở dữ liệu phục vụ việc công bố kết quả nghiên cứu khoa học của học viên.

© 2024 Journal of Science and Technology - NTTU

Nhận 19/04/2024
Được duyệt 23/06/2024
Công bố 28/08/2024

Từ khóa

kết quả nghiên cứu khoa học, công bố, thách thức, khuyến nghị, đào tạo thạc sĩ

1 Đặt vấn đề

Sự phát triển chất lượng và số lượng công bố kết quả nghiên cứu khoa học (NCKH) sau đại học tại các trường đại học trên cả nước nói chung và tại Thành phố Hồ Chí Minh (TP. HCM) nói riêng đang trở thành mục tiêu quan trọng. Có thể thấy, học viên (HV) đã có nỗ lực sắp xếp để tham gia lớp học nhưng lại có rất ít hoặc không có công bố bài báo khoa học do gặp một số trở ngại. Công việc NCKH đòi hỏi sự chủ động và tích cực đầu tư rất lớn của HV bên cạnh quá trình học tập chương trình sau đại học tại các trường. Đây là một trong những tiêu chí quan trọng trong việc đánh giá năng lực nghiên cứu của HV khi thực hiện báo cáo đề tài luận văn tốt nghiệp hoặc miễn bảo vệ luận văn [1]. Ngoài ra, hoạt động NCKH cũng là cơ hội giúp HV phát triển kỹ năng và kinh nghiệm nghiên cứu, cũng như làm phong phú hồ sơ lý lịch khoa học khi xin xét tuyển vào chương trình tiến sĩ trong tương lai.

Chính sách về công bố kết quả NCKH của HV đào tạo sau đại học đóng vai trò quan trọng trong hệ thống giáo dục Việt Nam, giúp nâng cao năng lực, kỹ năng chuyên môn và đóng góp vào phát triển khoa học công nghệ. Ở Việt Nam, đặc biệt tại TP. HCM, đã ban hành những quy định khuyến khích HV công bố kết quả NCKH. Theo Điều 18, Khoản 2 Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ [2]: “điều kiện miễn bảo vệ luận văn được áp dụng với tất cả chương trình, hình thức đào tạo khi đáp ứng các điều kiện, trong đó có Điểm b “HV là tác giả chính hoặc tác giả liên hệ của tối thiểu một bài báo khoa học được chấp nhận công bố hoặc được công bố trên tạp chí thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus trong quá trình đào tạo và liên quan đến nội dung luận văn” và tại Điểm c “HV hoàn thành bảng tóm tắt bài báo nghiên cứu khoa học và nộp cho bộ phận liên quan theo quy định của cơ sở”. Đề án học bổng sau đại học [3] và thông báo chương trình học bổng sau đại học của

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn [4] có quy định điều kiện xét tuyển học bổng là HV phải có “sản phẩm nghiên cứu khoa học: có tối thiểu 01 bài báo được đăng hoặc được nhận đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus; hoặc đã công bố tối thiểu 02 báo cáo trong kỳ yếu hội thảo quốc tế uy tín, có phản biện, xuất bản bằng tiếng nước ngoài; hoặc 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học nước ngoài uy tín, có phản biện; hoặc tham gia đề tài nghiên cứu khoa học các cấp đã được nghiệm thu (đối với HV năm cuối)”. Ngoài việc công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí và hội thảo, HV còn được khuyến khích tham gia vào các hoạt động giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm với các nghiên cứu sinh, giảng viên và nhà nghiên cứu khác. HV cũng có thể nhận được hỗ trợ tài chính để thực hiện các nghiên cứu, đăng ký bản quyền và công bố các kết quả nghiên cứu của mình.

Qua khảo lược các nghiên cứu liên quan đến công bố kết quả NCKH như nghiên cứu trong ngành thư viện và các ngành khác đã xác định trong 16 yếu tố liên quan đến năng suất nghiên cứu, trong đó nhóm thành 3 chủ đề bao quát:

thuộc tính cá nhân, đồng nghiệp và cộng đồng, cơ cấu và hỗ trợ thể chế [5]. Hay nghiên cứu chỉ ra rằng chính sách của chính phủ và các ưu đãi tài chính dành cho các nhà nghiên cứu là động lực thúc đẩy, hỗ trợ tăng số lượng NCKH, đồng thời đánh giá những hạn chế về kỹ năng và kiến thức trong việc tăng số lượng xuất bản chất lượng cùng những nguy cơ, thách thức khi xuất bản các tạp chí trong nước hoặc quốc tế [6]. Hoặc có nghiên cứu cho thấy sự ảnh hưởng của các chính sách khuyến khích đến việc công bố quốc tế ở một số trường đại học tại Việt Nam [7]. Như vậy, công bố NCKH của các HV tại các trường đại học ở TP. HCM dù đang có những chuyển biến tích cực trong kế hoạch hành động để khuyến khích và hỗ trợ hoạt động NCKH. Thế nhưng, số lượng nghiên cứu tập trung vào đối tượng là HV theo học chương trình thạc sĩ vẫn còn ít và hạn chế [8-11]. Qua khảo lược, thực tế thống kê số bài báo được đăng, công trình được công bố trong các báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo (CTĐT) thạc sĩ của các trường đại học tại TP. HCM các năm được thể hiện trong Bảng 1.

Bảng 1 Thống kê số bài báo được đăng, công trình được công bố trong các báo cáo tự đánh giá CTĐT thạc sĩ của một số trường đại học tại TP. HCM

TT	Tên cơ sở đào tạo	Số HV thạc sĩ	Số bài báo, công trình công bố	Ghi chú
1	Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh	98	19	Báo cáo tự đánh giá CTĐT Thạc sĩ ngành Lịch sử Việt Nam (2018-2023) [8]
2	Trường Đại học Tài chính- Marketing	53	23	Báo cáo tự đánh giá CTĐT Thạc sĩ ngành Địa lí học (2020-2023) [8]
3	Trường Đại học Ngoại ngữ – Tin học Thành phố Hồ Chí Minh	2.463	845	Báo cáo tự đánh giá CTĐT Thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh (2014-2018) [9]
4	Trường Đại học Nguyễn Tất Thành	36	5	Báo cáo tự đánh giá CTĐT Thạc sĩ ngành Công nghệ thông tin (2020 -2024) [10]
5		28	0 (Có 5 đề tài cấp trường)	Báo cáo tự đánh giá CTĐT Thạc sĩ ngành Công nghệ thông tin (2016 -2020) [11]

Chính vì vậy, khảo sát tập trung vào đối tượng HV theo học chương trình thạc sĩ tại các trường đại học tại TP. HCM nhằm xác định những thách thức mà họ đang đối mặt trong quá trình công bố kết quả NCKH và đưa ra các khuyến nghị nhằm giúp vượt qua những thách thức đã được xác định, đồng thời là cơ sở để tham khảo cho cập nhật và sửa đổi các chính sách liên quan phục vụ việc công bố kết quả NCKH.

2 Phương pháp nghiên cứu

2.1 Đối tượng

Đối tượng nghiên cứu: những thách thức gặp phải trong công bố NCKH của các HV đang theo học CTĐT Thạc sĩ ở một số trường đại học tại TP. HCM.

Đối tượng khảo sát: là các HV Thạc sĩ đang học năm thứ nhất, thứ hai hoặc đã tốt nghiệp; có sự đa dạng ở chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng; thuộc lĩnh vực khoa học xã hội hoặc khoa học tự nhiên và môi trường học tập, làm việc khác nhau.



Các HV này được khảo sát nhằm tìm hiểu những thách thức họ gặp phải trong quá trình thực hiện và công bố NCKH, cũng như thu thập ý kiến của họ về các giải pháp và khuyến nghị để cải thiện việc công bố kết quả NCKH.

2.2 Dữ liệu nghiên cứu

Dữ liệu sơ cấp: được thu thập bằng cách gửi bảng câu hỏi khảo sát đến HV của một số trường đại học tại TP. HCM. Mục đích là thu thập ý kiến của HV về những thách thức gặp phải trong quá trình công bố kết quả NCKH và mức độ cần thiết của các khuyến nghị đề xuất. Phương pháp chọn mẫu phi ngẫu nhiên (non-probability sampling methods) dạng mẫu thuận tiện (convenience sampling) được sử dụng để lựa chọn mẫu nghiên cứu.

Dữ liệu thứ cấp: bao gồm các tài liệu, nghiên cứu liên quan đến việc công bố kết quả NCKH, cũng như các văn bản, báo cáo, quy định, quy chế liên quan đến NCKH của HV tại TP. HCM.

2.3 Bảng câu hỏi khảo sát

Bảng câu hỏi khảo sát được thiết kế gồm 3 phần chính. Phần thứ nhất khảo sát về thông tin chung của người trả lời góp phần mô tả thống kê đặc điểm đối tượng khảo sát, bao gồm chuyên ngành, cơ sở đào tạo đã hoặc đang theo học Thạc sĩ, trạng thái học tập và số lượng NCKH đã công bố. Phần thứ hai trình bày về những thách thức gặp phải trong công bố kết quả NCKH và được trình bày dưới dạng thang đo Likert 5 mức độ từ "1: hoàn toàn không đồng ý" đến "5: hoàn toàn đồng ý". Phần thứ ba khảo sát về mức độ cần thiết thực hiện các khuyến nghị nhằm nâng cao việc công bố kết quả NCKH, cũng được trình bày dưới dạng thang đo Likert 5 mức độ từ "1: hoàn toàn không đồng ý/cần thiết" đến "5: rất đồng ý/cần thiết".

2.4 Phương pháp nghiên cứu và phân tích dữ liệu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng chủ yếu, các kỹ thuật phân tích, tổng hợp tài liệu và kết quả khảo sát để xác định những thách thức gặp phải trong công bố kết quả NCKH của HV, cũng như mức độ cần thiết thực hiện các khuyến nghị.

Dữ liệu khảo sát được xử lý bằng kỹ thuật thống kê mô tả (Descriptive statistics) trong phần mềm SPSS 26 dùng để mô tả tổng quát về đặc điểm và phân tích toàn bộ phiếu khảo sát. Đối với thang đo Likert 5 mức lựa chọn trong bảng khảo sát, khoảng ý nghĩa của từng giá trị trung bình được tính toán. Khoảng ý nghĩa được xác định bằng công thức:

$$\text{Giá trị khoảng cách} = (\text{Giá trị tối đa} - \text{Giá trị tối thiểu}) / n = (5 - 1) / 5 = 0,8.$$

Dựa vào giá trị khoảng cách, ý nghĩa trung bình được xác định như sau:

Giá trị thuộc 1,00-1,80: "hoàn toàn không đồng ý" / "hoàn toàn không cần thiết".

Giá trị thuộc 1,81-2,60: "không đồng ý" / "không cần thiết".

Giá trị thuộc 2,61-3,40: "không có ý kiến".

Giá trị thuộc 3,41-4,20: "đồng ý" / "cần thiết".

Giá trị thuộc 4,21-5,00: "hoàn toàn đồng ý" / "rất cần thiết".

2.5 Thời gian khảo sát

Khảo sát được thực hiện vào tháng 03 năm 2023. Các phiếu khảo sát được gửi theo đường liên kết của Google Form (<https://forms.gle/cngnf6mtDHX1ygJ17>).

3 Kết quả và thảo luận

3.1 Những thách thức trong công bố kết quả NCKH

Dựa trên các nghiên cứu liên quan, tác giả đã xây dựng bảng câu hỏi khảo sát nhằm thu thập ý kiến về mức độ đồng ý đối với những thách thức trong công bố kết quả NCKH mà HV đang gặp phải. Sau quá trình khảo sát, tác giả đã nhận được 109 phiếu trả lời hợp lệ trong đó chiếm 79,48 % là HV đang học tại cơ sở công lập và 27,52 % tư thục. Kết quả thống kê từ mẫu khảo sát cho thấy, trong tổng số người tham gia khảo sát, có 88,07 % HV đang vừa đi học vừa đi làm. Đối với số lượng bài báo và đề tài nghiên cứu, có đến 57,80 % HV chưa có bài báo hoặc đề tài NCKH. Điều này cho thấy số lượng công bố kết quả NCKH có hạn chế, chỉ có 22,02 % HV đã có ít nhất 1 bài báo hoặc đề tài NCKH. Kết quả khảo sát được trình bày ở Bảng 2.

Bảng 2 Những thách thức trong công bố kết quả NCKH của HV thạc sĩ

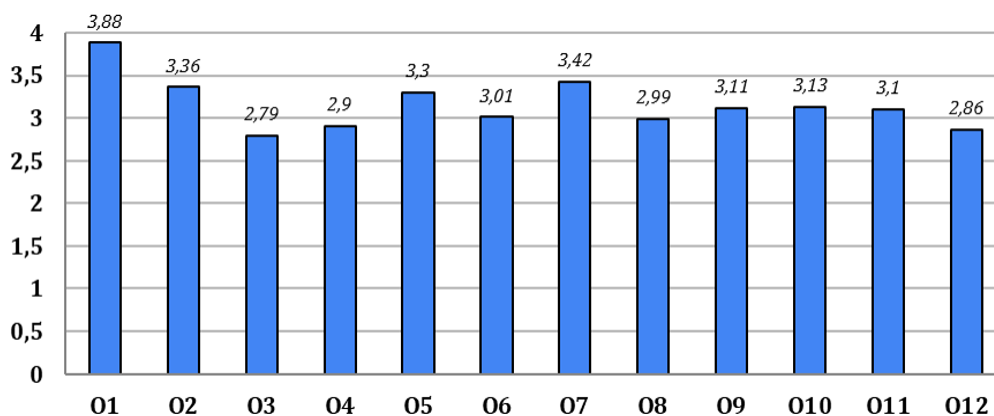
Mã hóa	Thách thức	Mức độ đồng ý (%)				
		Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
O1	Áp lực khối lượng công việc	13,76	13,76	13,76	13,76	13,76
O2	Áp lực nghĩa vụ gia đình	10,09	12,84	26,61	32,11	18,35



Mã hóa	Thách thức	Mức độ đồng ý (%)				
		Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Không có ý kiến	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
O3	Ít hoặc không có nhu cầu thực hiện NCKH	17,43	19,27	35,78	22,02	5,50
O4	Ít hoặc không tự tin trong thực hiện NCKH, công bố kết quả NCKH	10,09	26,61	33,94	22,02	7,34
O5	Ít hoặc không có thời gian để thực hiện NCKH, công bố kết quả NCKH	6,42	18,35	29,36	30,28	15,60
O6	Ít hoặc không có mạng lưới kết nối thực hiện NCKH với bạn học, giảng viên, nhà trường.	11,01	20,18	32,11	30,28	6,42
O7	Ít hoặc không có kinh phí để thực hiện NCKH, công bố kết quả NCKH	5,50	13,76	30,28	33,94	16,51
O8	Ít hoặc không có sự hướng dẫn/ chỉ dẫn về phương pháp, kỹ thuật thực hiện NCKH	5,50	25,69	39,45	22,94	6,42
O9	Ít hoặc không có kiến thức về phân tích thống kê, sử dụng các phần mềm thống kê (SPSS, AMOS, STATA,...)	14,68	11,93	32,11	30,28	11,01
O10	Ít hoặc không có kiến thức về tiêu chí xuất bản, công bố kết quả NCKH	11,01	16,51	33,03	27,52	11,93
O11	Ít hoặc không tham gia các chuyên đề/ hội thảo/ tọa đàm về thực hiện NCKH, công bố kết quả NCKH	9,17	14,68	37,61	33,94	4,59
O12	Ít hoặc không có nguồn tài liệu tham khảo, cơ sở dữ liệu để thực hiện NCKH	11,01	27,52	34,86	17,43	9,17

Các câu hỏi về những thách thức gặp phải trong công bố kết quả NCKH của HV ở Bảng 2 đều nhận được mức độ đồng ý cao từ người thực hiện khảo sát. Kết quả khảo sát cho thấy giá trị trung bình của mức độ đồng ý dao động từ 2,79 (Không có ý kiến) đến 3,88 (Đồng ý). Trong số

đó, các thách thức như áp lực khối lượng công việc, thiếu hoặc không có kinh phí để thực hiện, công bố kết quả NCKH và áp lực nghĩa vụ gia đình đạt mức độ đồng ý cao nhất, với giá trị trung bình lần lượt là 3,88; 3,42 và 3,36. Mức độ này được biểu diễn ở Hình 1.



Hình 1 Giá trị trung bình của mức độ đồng ý đối với các thách thức NCKH

3.2 Kết quả mức độ cần thiết thực hiện các khuyến nghị nhằm đẩy mạnh việc công bố kết quả NCKH

Để giải quyết những thách thức trong việc công bố kết quả nghiên cứu của HV tại các trường đại học tại TP. HCM, tác giả đã đề xuất một số khuyến nghị cần thực hiện. Tuy nhiên, để đảm bảo tính khách quan và tăng

tính thuyết phục cũng như đánh giá mức độ cần thiết thực hiện các khuyến nghị đề xuất, nghiên cứu tiến hành khảo sát để thu thập các ý kiến của về mức độ cần thiết thực hiện các khuyến nghị, nhằm đẩy mạnh và phát triển công bố kết quả NCKH. Kết quả khảo sát được trình bày chi tiết trong Bảng 3.

Bảng 3 Các khuyến nghị nhằm nâng cao công bố kết quả NCKH của HV

Mã hóa	Khuyến nghị	Mức độ đồng ý (%)				
		Hoàn toàn không cần thiết	Không cần thiết	Không có ý kiến	Cần thiết	Hoàn toàn cần thiết
T1	Thường xuyên tổ chức các hoạt động bồi dưỡng kiến thức, tập huấn kỹ năng về thực hiện NCKH, công bố kết quả NCKH cho HV	0,92	4,59	14,68	41,28	38,53
T2	Thường xuyên tổ chức các chuyên đề/ hội thảo/ tọa đàm để trao đổi về NCKH, công bố kết quả NCKH cho HV	1,83	2,75	13,76	44,95	36,70
T3	Nhà trường/ khoa/giảng viên hướng dẫn khuyến khích, tạo động lực cho các HV NCKH, công bố kết quả NCKH	2,75	1,83	10,09	38,53	46,79
T4	Tăng nguồn kinh phí cho các hoạt động nghiên cứu khoa học, công bố kết quả NCKH của HV	3,67	2,75	7,34	40,37	45,87
T5	Tăng nguồn tài liệu tham khảo, cơ sở dữ liệu cho các hoạt động NCKH, công bố kết quả NCKH của HV	3,67	1,83	11,93	35,78	46,79

Kết quả thống kê trong Bảng 3 cho thấy, tất cả các khuyến nghị nhận được phản hồi từ người tham gia khảo sát về mức độ cần thiết, dao động từ 4,12 (Cần thiết) đến 4,25 (Rất cần thiết). Trong số đó, có ba khuyến nghị được đánh giá cao nhất về mức độ cần thiết, đó là: (i) nhà trường/khoa/giảng viên hướng dẫn khuyến khích, tạo động lực cho HV NCKH, công bố kết quả NCKH (Giá trị trung bình: 4,25 - Rất cần thiết), (ii) tăng nguồn kinh phí cho hoạt động NCKH, công bố kết quả NCKH của HV (Giá trị trung bình: 4,22 - Rất cần thiết), và (iii) tăng nguồn tài liệu tham khảo, cơ sở dữ liệu cho hoạt động NCKH, công bố kết quả NCKH của HV (Giá trị trung bình: 4,20 - Cần thiết). Như vậy, đa số người tham gia khảo sát có ý kiến đồng tình cao về mức độ cần thiết của các khuyến nghị liên quan.

4 Thảo luận

Thứ nhất, nghiên cứu đã xác định được những thách thức của HV một số trường đại học tại TP. HCM phải đối mặt khi công bố kết quả NCKH bao gồm (i) áp lực khối lượng công việc, (ii) thiếu hoặc không có kinh phí và (iii) áp lực nghĩa vụ gia đình. Kết quả nghiên cứu phù hợp các nghiên cứu trước về các thách thức của HV trong công bố NCKH. Ví dụ, áp lực khối lượng công việc được xác định là thách thức của HV các trường đại học tại TP. HCM trong công bố NCKH là phù hợp với nghiên cứu năm 2011 về một trong số thách thức của HV, trong đó thời gian, công việc chiếm khoảng 90 % [12]. Thách

thức ít hoặc không có kinh phí để thực hiện, công bố kết quả NCKH phù hợp với đề xuất kiến nghị trong kết quả nghiên cứu chỉ ra cần có những chính sách cụ thể về cơ sở vật chất, khen thưởng và quan tâm cả yếu tố tinh thần hiệu quả hơn nữa để khuyến khích [7, 13]. Kết quả thu được phản ánh đúng thực tế về những khó khăn trong việc công bố kết quả NCKH của HV.

Thứ hai, dựa trên kết quả thu được nghiên cứu đề xuất một số khuyến nghị nhằm thúc đẩy việc công bố NCKH như: (i) khuyến khích từ nhà trường/khoa/giảng viên hướng dẫn tạo động lực cho các HV nghiên cứu và công bố kết quả NCKH, (ii) tăng nguồn kinh phí cho hoạt động nghiên cứu và công bố kết quả NCKH của HV, (iii) cung cấp nguồn tài liệu tham khảo và cơ sở dữ liệu cho các hoạt động nghiên cứu và công bố kết quả NCKH. Những khuyến nghị này sẽ giúp HV có thể định hướng và hình thành năng lực nghiên cứu độc lập cũng như sự tự tin trong việc công bố kết quả NCKH của mình. Tuy nhiên, cần lưu ý công bố NCKH không chỉ đơn thuần là mục tiêu chính sách mà còn phải dựa trên chất lượng của các nghiên cứu và bài báo được chấp nhận. Do đó, cần có sự định hướng nghiên cứu và nỗ lực của HV để thực hiện các nghiên cứu có giá trị.

Thứ ba, nghiên cứu đã đạt được những tiêu chí đề ra ban đầu nhưng vẫn còn hạn chế vì nghiên cứu chỉ dừng lại khảo sát những khó khăn gặp phải trong công bố NCKH ở học viên theo học chương trình thạc sĩ tại



Thành phố HCM. Về mặt phân tích dữ liệu, đo lường các thách thức và hiệu quả của các khuyến nghị còn gặp khó khăn do sự phức tạp và đa chiều của vấn đề được khảo sát xuất phát từ nguyên nhân chủ quan lẫn khách quan dẫn đến hạn chế trong công bố kết quả NCKH. Bên cạnh đó, trong thời gian tới tác giả sẽ tiếp tục nghiên cứu thêm số lượng đối tượng như HV tu thực theo học chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ hoặc các nhà nghiên cứu độc lập và kết hợp phân tích mạng xã hội để hiểu rõ hơn về mạng lưới hợp tác nghiên cứu nhằm hoàn thiện hướng nghiên cứu, mở rộng góc nhìn về vấn đề công bố NCKH của các học viên sau đại học nói chung.

5 Kết luận

Nghiên cứu này đã xác định những thách thức chính mà HV theo học chương trình thạc sĩ ở một số trường đại học tại TP. HCM gặp phải khi công bố kết quả NCKH, từ đó đưa ra các đề xuất và khuyến nghị tương ứng. Kết quả nghiên cứu cung cấp cơ sở tham khảo để cập nhật và sửa đổi hoàn thiện hơn nữa các chính sách liên quan đến kinh phí và cơ sở dữ liệu nhằm hỗ trợ công bố kết quả nghiên cứu của HV thạc sĩ nói riêng. Đồng thời, cho thấy tầm quan trọng của việc xây dựng các chính sách và chiến lược phát triển nhà trường song hành với thúc đẩy hoạt động NCKH và khuyến khích công bố nghiên cứu ở tất cả các trình độ nói chung. Bên cạnh đó, là cơ sở để mở rộng khảo sát ra các khu vực khác của Việt Nam hoặc quốc tế để so sánh và đối chiếu nhằm bổ sung góc nhìn mới và toàn diện.

Tài liệu tham khảo

1. Trường Đại học Khoa học Tự nhiên. (2023). *Quy chế của Đại học Quốc gia*. Phòng đào tạo Sau đại học. Truy cập vào 28/6/2023 từ <https://sdh.hcmus.edu.vn/quy-che-bieu-mau/>
2. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. (2021). *Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ*.
3. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. (2018). *Đề án học bổng sau đại học của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh*.
4. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. (2022). *Thông báo về chương trình học bổng SDH của ĐHQG-HCM năm 2022*.
5. K. Hoffmann, S. Berg., & D. Koufogiannakis. (2014). Success in research: Factors that contribute to increased research productivity across librarianship and other disciplines. *In Proceedings of the Annual Conference of CAIS/Actes Du Congrès Annuel De L'ACSI*.
6. Vương Quân Hoàng. (2019). The harsh world of publishing in emerging regions and implications for editors and publishers: The case of Vietnam. *Learned Publishing*, 32(4), 314-324.
7. Trịnh Thị Phương Thảo, Vũ Thế Anh. (2021). Phân tích một số chính sách khuyến khích công bố quốc tế trong các trường đại học của Việt Nam. *Tạp chí Giáo dục*, 493, 8.
8. Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh. (2023). *Báo cáo tự đánh giá. Đảm bảo chất lượng*. Truy cập vào 07/06/2024 từ <https://hcmue.edu.vn/vi/dam-bao-chat-luong/bc-tdg>
9. Trường Đại học Tài chính- Marketing. (2023). *Báo cáo tự đánh giá 11 chương trình đào tạo. Công tác đảm bảo chất lượng*. Truy cập vào 07/06/2024 từ <https://dbchatluong.ufm.edu.vn/vi/bao-cao-tu-danh-gia-11-ctdt/bao-cao-tu-danh-gia-11-ctdt-2438>



10. Trường Đại học Ngoại ngữ – Tin học Thành phố Hồ Chí Minh (2024). *Thông báo về việc công khai báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công nghệ thông tin và ngành Quản trị kinh doanh (giai đoạn 2020-2024)*. Tin tức. Truy cập vào 07/06/2024 từ <https://hufit.edu.vn/tin-tuc/thong-bao-ve-viec-cong-khai-bao-cao-tu-danh-gia-chuong-trinh-dao-tao-trinh-do-thac-si-nganh-cong-nghe-thong-tin-va-nganh-quan-tri-kinh-doanh-giai-doan-2020-2024/>
11. Trường Đại học Nguyễn Tất Thành. (2021). *Tự đánh giá chương trình đào tạo*. Đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo. Truy cập vào 07/06/2024 từ <https://dbcl.ntt.edu.vn/>
12. Bullen, C. R., & Reeve, J. (2011). Turning postgraduate students' research into publications: a survey of New Zealand masters in public health students. *Asia Pacific Journal of Public Health*, 23(5), 801-809.
13. Tống Thị Hạnh. (2011). Thực trạng nghiên cứu khoa học của đội ngũ nhân lực khoa học công nghệ trong các trường Đại học Việt Nam thông qua các công bố quốc tế. *Tạp chí Khoa học Đại học Sài Gòn*, Số 79 (01/2022), 13-20.

Postgraduate Students Research Publication in Ho Chi Minh City - Challenges and Recommendations

Khanh Linh Trinh

Faculty of Finance and Accounting, Nguyen Tat Thanh University

linhkt@ntt.edu.vn

Abstract Publication of scientific research results from post-graduate students and researchers of Vietnamese universities is widely concerned, yet there are still many challenges that hinder the research performance during their study. The article employs quantitative research methods to identify the challenges in publishing scientific research results of Master students at some universities in Ho Chi Minh City. The survey and data analysis from the answers showed that (1) the workload pressure; (2) lack or absence of funds to carry out and publish scientific research results and (3) pressure from family duty has resulted in high levels of consensus. Findings from the present study help to improve the quantity and quality of publication of scientific research results; improve school support and guidance; contribute basic reference for updating and amending policies related to funding and databases for the publication of scientific research results of post-graduate students.

Keywords Scientific research results, publication, challenges, recommendations, post-graduate students.